

Bản án số: 512/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn T. H, sinh năm 1982; (có mặt)

Thường trú: số 107/68/45 Hoàng Văn Thụ, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: số 44 đường Bùi Thị He, tổ 9, khu phố 8, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trương C. H, sinh năm: 1976. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: tổ 1, khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: số 44 đường Bùi Thị He, tổ 9, khu phố 8, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 06/8/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông H tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống hạnh phúc khoảng hơn 01 năm, mâu thuẫn trầm trọng xảy ra vào năm 2019, nguyên nhân do hai bên không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý của con; Ông Hải ham mê cờ bạc, không lo cho vợ con; Hai vợ chồng đã không sống chung gần hơn 01 năm nay, bà dẫn con bỏ về quê sống từ đó cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày: 04/02/2017, trẻ N đang sống cùng bà, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Ông có đơn xin xét xử vắng mặt ông. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trương Chí H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 29/11/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Hận xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà H thì mâu thuẫn giữa bà với ông Hải là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, ông Hải không lo làm ăn, không lo cho vợ con, suốt ngày cờ bạc; Hai vợ chồng đã không sống chung nhau gần 02 năm.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông Hải không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày: 04/02/2017. Xét yêu cầu của bà H là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Trương Bảo Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của bà Hận là không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Hận phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trương Chí H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 29/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Hận được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Bảo Ngọc, sinh ngày: 04/02/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hận là không yêu cầu ông Hải cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0083413 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Hận đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương